**NỘI DUNG GHI BÀI**

**MÔN: TIẾNG ANH 8**

**Thời gian: Từ ngày 06/9/2021 đến ngày 11/9/2021**

**Giáo viên soạn bài:Nguyễn Thị Dung**

**\* *Tiết 1: Revision***

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ**  **Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:** |
| Học sinh ôn lại các thì cơ bản. | **1. Simple present tense**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **VERB** | **TOBE** | | Khẳng định | S + V(s/es) + O | S + be (am/is/are) + O | | Phủ định | S + do not /does not + V\_inf | S + be (am/is/are) + not + O | | Nghi vấn | Do/Does + S + V\_inf? | Am/is/are + S + O? |   Dấu hiệu nhận biết trong câu:   * Every day/ week/ month…: mỗi ngày/ tuần/ tháng * Often, usually, frequently: thường * Sometimes, occasionally: thỉnh thoảng * Always, constantly: luôn luôn * Seldom, rarely: hiếm khi   **2. Present Continuous**  (+) S + am/is/are + V\_ing  (-) S + am/is/are + not + V\_ing  (?) Am/Is/Are + S + V\_ing?  Dấu hiệu nhận biết trong câu:   * Now: bây giờ * Right now * Listen!: Nghe nào! * At the moment * At present * Look!: nhìn kìa * Watch out!: cẩn thận! * Be quiet!: Im lặng   **3. Simple Future**  (+) S + will/shall/ + V\_inf + O  (-) S + will/shall + not + V\_inf + O  (?) Will/shall + S + V\_inf + O?  Dấu hiệu nhận biết trong câu:   * Tomorrow: ngày mai * in + thời gian * Next week/ month/ year: tuần tới/tháng/năm * 10 years from now   **4.** **Simple Past**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***VERB*** | ***TOBE*** | | Khẳng định | S + V2/ed + O | S + was/were + O | | Phủ định | S + didn’t + V\_inf + O | S + was/were + not + O | | Nghi vấn | Did + S + V\_inf + O? | Was/were + S + O? | |

**\* *Tiết 2:Unit 1- Listen and Read***

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Unit 1** | **Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:** |
|  | * Sách giáo khoa tiếng Anh 8, Unit 1 * Nội dung bài học:   **I. New words:**  - seem (v) : dường như  ex: You seem happy.  He seems to be a good man.  - neighbor (n): hàng xóm   * neighborhood (n)   - enough (adv): đủ  - next-door (adj): kế bên  - photograph (n) (v): hình, chụp hình   * photographer (n) * photography (n) * photographic (adj)   - happy (adj) # unhappy: vui vẻ   * happiness (n) # unhappiness * happily (adv) # unhappily   - beautiful (adj)   * beautifully (adv) * beautify (v) * beauty (n)   **II.Listen and read( page 10,11)**  Hoa: *Hello Lan.*  Lan: Hi, Hoa. You seem happy.  Hoa: *I am. I received a letter from my friend Nien to day.*  Lan: Do I know her?  Hoa: *I don't think so. She was my next-door neighbor in Hue*  Lan: What does she look like?  Hoa: *Oh. She's beautiful. Here is her photograph.*  Lan: What a lovely smile! Was she your classmate?  Hoa: *Oh, no. She wasn't old enough to be in my class.*  Lan: How old is she?  Hoa: *Twelve. She's going to visit me. She'll be here at Christmas. Would you like to meet her?*  Lan: I'd love to.   1. ***Practice the dialogue with a partner***. 2. ***Answer the following questions.*** 3. Where does Nien live?   ->She lives in Hue.  b. Does Lan know Nien?  ->No, she doesn’t know Nien  c. Which sentence tells you that Hoa is older than Nien?  -> “She wasn’t old enough to be in my class”  d. When is Nien going to visit Hoa?  ->She’s going to visit Hoa at Christmas.  **III. Grammar:**  **“ENOUGH”**  **S + V (be) +Adj /Adv+ enough +(for o) + to infinitive**  **đủ (không đủ) cái gì để làm gì...**  Ex1:   1. He/strong/do/that work.   ->He is strong enough to do that work.  b. He/not/ tall/ reach /the ceiling  -> He is not tall enough to reach the ceiling  Ex2:   1. Minh is very tall. He can play basketball.   ->Minh is tall ***enough to*** play basketball.  ( bỏ “can”,S1=S2 nên ta bỏ “for O”)  b. This question isn’t easy. I can’t answer it.  ->This question isn’t easy ***enough*** **for me** to answer.  ( bỏ “can’t”,S1#S2 nên có “for O”)  c. ***The weather*** was bad. ***They*** couldn’t go camping.  -> The weather wasn’t fine enough **for them** to go camping.  (Nếu 2 câu không cùng thể,ta phải thêm “not” và tính từ trái nghĩa)  ***Nguyên tắc nối câu dùng 2 cấu trúc này***:   * Nếu trước tính từ,trạng từ có ***too,so,very,quite,extreme*** thì phải bỏ. * Nếu chủ từ ở hai câu giống nhau thì phải bỏ “ for O”. * Nếu chủ từ câu đầu và chủ từ câu sau khác nhau ta thêm “for O”. * Bỏ các động từ khiếm khuyết ở vế sau( can,can’t,could,couldn’t..). * Bỏ ***it,them*** ở vế sau (nếu có) * Nếu 2 câu không cùng thể,ta phải thêm “not” và tính từ trái nghĩa. |

**\* *Tiết 3: Read***

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ**  **Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:** |
|  | * Sách giáo khoa tiếng Anh 8, Unit 1 * Nội dung bài học:   **I. New words:**  - character ( n ) : tính cách  - sociable (a) = outgoing (a): hòa đồng  🡪 social (a)  🡪 society (n)  - generous ( a ) : hào phóng, rộng lượng  🡪 generously ( adv ) :  🡪 generosity ( n ) :  - orphanage ( n ) : trại mồ côi  🡪 orphan ( n ) :  - reserved ( a ) : kín đáo, dè dặt  reserved in public  - joke ( n,v ) : lời nói đùa  - sense of humor: hài hước  🡪 humorous ( a ) :  - extreme ( a) : cực kỳ  🡪 extremely (adv)  - luck ( n ) : sự may mắn  🡪 lucky (a) # unlucky  🡪 luckily (adv) # unluckily  - friend ( n ) :  🡪 friendly ( a) # unfriendly: thân thiện  🡪 friendliness (n) # unfriendliness  🡪 friendship (n)  - peace ( n ) : sự yên bình  🡪 peaceful (a)  🡪 peacefully (adv)  - volunteer ( n, v ) : tình nguyện  🡪 volunteer work  🡪 voluntary ( a ) :  🡪 get tired of = be bored with : chán  **II. Read**  ***Ba is talking about his friends***  I am lucky enough to have a lot of friends. Of all my friends, Bao, Khai, and Song are the ones I spend most of my time with. Each of us, however, has a different character.  Bao is the most sociable.He is also extremely kind and generous. He spends his free time doing volunteer work at a local orphanage,and he is a hard-working student who always gets good grades.  Unlike Bao, Khai and Song are quite reserved in public. Both boys enjoy school, but they prefer to be outside the classroom. Song is our school’s star soccer player, and Khai likes the peace and quiet of the local library.  I am not as outgoing as Bao, but I enjoy telling jokes. My friends usually enjoy my sense of humor. However, sometimes my jokes annoy them.  Although we have quite different characters, the four of us are very close friends.   1. ***Choose the best answer and write:***   a.Ba talks about\_\_\_\_\_\_\_ of his friends .  A. three  B. all  C. four  D. none  b. Bao’s volunteer work \_\_\_\_\_\_\_\_\_.  A. helps him make friends  B. causes problems at exam time  C. does not affect his school work  D. takes up a lot of time  c. Khai and Song \_\_\_\_\_\_\_\_\_  A. like quiet places  B. don’t talk much in public  C. dislike school  D. enjoy sports  d. Ba’s friends sometimes\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_his jokes.  A. answer  B. do not listen to  C. laugh at  D. get tired of  -> KEY: a. A b. C c. B d. D  2. ***Now answer the questions:***  a) How does Ba feel having a lot of friends ?  -> He feels lucky enough having a lot of friends .  b. Who is the most sociable ?  ->Bao is the most sociable .  c. Who likes reading ?  -> Khai likes reading.  d. What is a bad thing about Ba’s jokes ?  -> They sometimes annoy his friends.  e. Where does Bao spend his free time ?  -> He spends his free time doing volunteer work at a local orphanage .  f. Do you and your close friends have the same or different characters ?  -> We have the same characters  ( We have quite different characters )  **III. Remember**   * Simple tenses. * Present simple to talk about general truths. * (not) adjective + enough + to-infinitive.   **IV. Homework**   * Learn by heart newwords. * Do exercises. * Prepare Unit 1-Language focus. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |